

Số: **2059** /QĐ-BNN-KHCN

Hà Nội, ngày **29** tháng 12 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt đặc tính và thông số kỹ thuật thiết bị khoa học công nghệ**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008;

Căn cứ Công văn số 6057/BNN-KHCN ngày 03/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép Tạp chí Nông nghiệp và PTNT mua sắm thiết bị phục vụ công tác chuyên môn của Tạp chí;

Căn cứ Quyết định số 3389/QĐ-BNN-TC ngày 17/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh dự toán ngân sách Nhà nước năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 4472/QĐ-BNN-KHCN ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn uỷ quyền cho Vụ Trưởng Vụ Khoa học công nghệ thẩm định và phê duyệt lựa chọn thiết bị và kết quả đấu thầu mua sắm trang thiết bị khoa học công nghệ của các đơn vị nghiên cứu triển khai thuộc Bộ được đầu tư từ vốn sự nghiệp khoa học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng, thành lập theo Quyết định số 3096 /QĐ-BNN-KHCN ngày 17/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thẩm định lựa chọn thiết bị ngày 22/12/2010;

Xét Tờ trình số 67/CV-TCNN ngày 12 tháng 11 năm 2010 của Tổng biên tập Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đặc tính và thông số kỹ thuật thiết bị năm 2010 cho Tạp chí Nông nghiệp và PTNT như trong phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Kinh phí mua sắm thiết bị thuộc vốn sự nghiệp khoa học năm 2010 cấp cho Tạp chí .

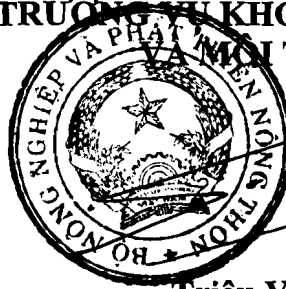
**Điều 3.** Tổng biên tập Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm tổ chức mua sắm thiết bị theo các quy định hiện hành của Nhà nước và trình Bộ phê duyệt kết quả đấu thầu

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Tổng biên tập Tạp chí nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, KHCN.

**TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
VÀ MÔI TRƯỜNG**



**Triệu Văn Hùng**

Phụ lục

**ĐANH MỤC THIẾT BỊ**  
 Kèm theo Quyết định số 2959 /QĐ-BNN-KHCN ngày 29 / 12 /2010  
 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

| TT | Tên thiết bị        | Đơn vị tính | Số lượng | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----|---------------------|-------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Máy tính bàn        | Bộ          | 06       | Màn hình LCD 18.5 inch wide TFT (W185Q)<br>Cache P6619L, Bộ vi xử lý: core i3-550, bộ nhớ trong: 2GB DDR3, ổ cứng 500GB, ổ quang DVD/RW SMD LS, wireless key & optical mouse, 15in1 reader, NIC, WLAN, FreeDOS, BU074AA.                                                                                                                                                           |
| 2  | Máy tính xách tay   | Bộ          | 04       | Bộ vi xử lý: Core i3; Processor: Intel Core i - 370M (2x2.4GHz)<br>Bus:1066Mhz;Cache:3MB;RAM:4GB DDR3;HDD:320GB Sata<br>VGA: ATI Mobility Radeon HD 5145 512MB;<br>Display:14" Wide<br>Driver Optical: DVD-RW<br>Loại pin: 6-Cell Lithium-ion;<br>Wireless, Bluetooth,Camera, Microphone, USB 2.0, VGA, HDMI, Card Reader<br>Windows 7 Home Premium<br>Dung lượng đĩa cứng: ≥250GB |
| 3  | Ổ cứng ngoài        | cái         | 01       | Dung lượng bộ nhớ: 500GB                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 4  | USB                 | cái         | 13       | Dung lượng bộ nhớ: 4GB                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 5  | Máy in              | cái         | 01       | Tốc độ in 12 trang/phút đen trắng / 8 trang/phút màu (cỡ A4) • 9600 x 600dpi (tương đương với Công nghệ làm nét ảnh tự động) • Bản in đầu tiên ra trong 28 giây (đen trắng) / 22 giây (màu)                                                                                                                                                                                        |
| 6  | Máy ảnh kỹ thuật số | cái         | 02       | Bộ cảm biến CCD định dạng DX của Nikon; ≥ 10 megapixel<br>Chế độ Tiêu cự: 1) Tự động lấy nét (AF): Lấy nét đơn (AF-S); Lấy nét liên tiếp AF (AF-C); Lựa chọn AF-S/AF-C tự động (AF-                                                                                                                                                                                                |

|    |                         |     |    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----|-------------------------|-----|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                         |     |    | A), 2) Lấy nét bằng tay (MF) có thể được chọn từ 11 điểm lấy nét                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 7  | Máy ảnh kỹ thuật số     | cái | 01 | ≥10 Mega Pixel<br>Zoom quang học 10x Chụp ảnh đêm, chụp toàn cảnh, quay phim AVCHD Full HD và chống rung quang học (chế độ Active)<br>Tích hợp GPS và La Bàn                                                                                                                                                            |
| 8  | Máy ghi âm              | cái | 02 | Dung lượng bộ nhớ 2GB; Kết nối máy tính; Tập tin/Thư mục 10/990 (mỗi folder chứa tối đa 99 tập tin); Pin xạc NiMH AAA x 1; Kích thước (Rộng x Cao x Dày) Khoảng 36.6 x 98.5 x 14.6mm; Khối lượng bao gồm pin: 58g; Tần số đáp ứng LP60 - 3,400Hz; SP60 - 10,000Hz; ST40 - 20,000Hz; STLP60 - 7,500Hz; STSP40 - 15,000Hz |
| 9  | Điều hòa nhiệt độ       | cái | 01 | Công suất: 18000 BTU/h<br>2 cục, 1 chiều                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 10 | Điều hòa nhiệt độ       | Cái | 02 | Công suất: 12000BTU/h<br>2 cục, 1 chiều                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 11 | Ghế nhân viên           | cái | 06 | Ghế xoay văn phòng đệm ni lông lưới                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 12 | Bàn nhân viên           | cái | 06 | Bàn học liền 3 ngăn kéo, khay bàn phím, yếm dài sắt đất, mặt gỗ laminate.                                                                                                                                                                                                                                               |
| 13 | Tủ tài liệu             | cái | 05 | Tủ sắt văn phòng 02 cánh sắt mở có khoá. Bên trong gồm 03 đợt chia thành 04 ngăn. Các đợt bên trong được thiết kế linh hoạt có thể nâng hạ độ cao tùy theo mục đích sử dụng.<br>Kích thước : W914 x D457 x H1830 mm                                                                                                     |
| 14 | Tủ chống ẩm chuyên dụng | cái | 01 | DRY-CABI, DHC - 120 - 120l, 8w, chia làm 01 khoang, được lắp đặt 01 Block kép chạy bằng 04 IC làm lạnh và hút ẩm; Điện áp sử dụng: 90V - 240V; Công suất điện năng: 20W; Phạm vi không chế độ ẩm từ 30% - 80% RH.                                                                                                       |